

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 29-3-2022  
V/v tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai;

2. Ông Lê Đức Thụy,

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Anh Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Phước Lợi, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 561/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXX-ST ngày 21 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 219/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Dương Tấn T, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà và ông Dương Tấn T tự nguyện chung sống với nhau năm 2002, hôn nhân do mai mối, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Trong quá trình chung sống, bà và ông T sống hạnh phúc được 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, ông T không quan tâm, chăm sóc vợ. Bà và ông T ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, bà Nguyễn Thị N xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Dương Tấn T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 (hai) con chung tên **Dương Tấn K**, sinh năm 2003; **Dương Tấn T1**, sinh ngày 29/8/2004, hiện cháu K đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu T1 do ông T chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà N đồng ý để ông T chăm sóc, nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Dương Tấn T đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày.

Bị đơn, ông Dương Tấn T vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N với ông Dương Tấn T.

Ông Dương Tấn T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên **Dương Tấn T1**, sinh ngày 29/8/2004; Dương Tấn K, sinh năm 2003 đã thành niên không xem xét giải quyết; bà Nguyễn Thị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cháu Dương Tấn T1 mỗi tháng 800.000 đồng đến khi cháu T1 thành niên, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/4/2022.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*\* Về tố tụng:*

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do ông Dương Tấn T đang cư trú tại xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Dương Tấn T, yêu cầu được nuôi con chung. Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[3]. Về tư cách, sự vắng mặt của đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng xác định nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, bị đơn ông Dương Tấn T.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Dương Tấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

*\* Về nội dung:*

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T tự nguyện sống chung với nhau năm 2002, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn **số 122 ngày 07/6/2017 do Ủy ban nhân dân xã Bình T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp** cấp cho bà Nguyễn Thị N, ông Dương Tấn T. Vì vậy, hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, bà và ông T bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bà và ông T không còn sống chung từ năm 2019 đến nay, ông T không tới lui hàn gắn tình cảm; bà N nộp đơn khởi kiện ly hôn Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không đến Tòa án để làm việc, thể hiện ông T không mong muốn hàn gắn tình cảm với bà N.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, chứng cứ trong hồ sơ, thể hiện giữa bà N, ông T không còn tình cảm, ông, bà đã ly thân trong thời gian dài, không liên lạc với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, bà N xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà N.

[5]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có (02) con chung tên **Dương Tấn K, sinh năm 2003; Dương Tấn T1, sinh ngày 29/8/2004**. Hiện cháu K đã thành niên, nên Tòa án không xem xét giải quyết, cháu T1 do ông T chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, Bà N đồng ý để ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện nay cháu T1 đã sống ổn định với ông T. Bà N đồng ý để ông T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1, ông T cũng không có ý kiến phản đối. **Tại biên bản xác minh ngày 23/4/202** của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thì cháu T1 sống với ông T phát triển tốt về tinh thần và thể chất, nhà ông T gần trường học, trạm y tế, đảm bảo về việc học hành cũng như chăm sóc sức khỏe cho cháu T1. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình ông Dương Tấn T là được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà N cấp dưỡng nhưng bà N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên **Dương Tấn T1, sinh ngày 29/8/2004 mỗi tháng 800.000 đồng đến khi con chung thành niên, xét đây là sự tự nguyện của bà N**, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội căn cứ Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận sự tự nguyện của bà N về cấp dưỡng nuôi con

mỗi tháng 800.000 đồng đến khi cháu T1 thành niên, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/4/2022.

[7]. Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết

[8]. Về nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[9]. Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới về quan điểm giải quyết án.

[10]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự

- Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 83, quyển số 1 ngày 14 tháng 8 năm 2007 do Ủy ban nhân dân xã Bình T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp bà Nguyễn Thị N, ông Dương Tấn T không còn giá trị pháp lý.

*Về quan hệ con chung:* Bà Nguyễn Thị N, ông Dương Tấn T có 02 (hai) con chung tên Dương Tấn K, sinh năm 2003; Dương Tấn T1, sinh ngày 29/8/2004. Hiện Dương Tấn K đã thành niên nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Ông Dương Tấn T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Dương Tấn T1, sinh ngày 29/8/2004.

Bà Nguyễn Thị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 (tám trăm nghìn) đồng đến khi Dương Tấn T1 thành niên, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/4/2022.

Ông Dương Tấn T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Nguyễn Thị N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

*Về tài chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết

*Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí **300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009852 ngày 13 tháng 12 năm 2021** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà N phải nộp thêm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật Dân sự năm 2015.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND xã Bình Thành-Lấp Vò-Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký tên và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Thi**